

钢琴

大提琴

钢琴 gāng qín zongora

大提琴 dà tí qín cselló

小提琴

竖琴

小提琴 Xiǎo tí qín hegedű

竖琴 shù qín hárfa

手风琴

口风琴

手风琴 shǒu fēng qín harmonika

口风琴 kǒu fēng qín szájharmonika

低音提琴

单簧管

低音提琴 dī yīn tí qín nagybőgő

单簧管 dān huáng guǎn klarinét



喇叭

吉他

喇叭 lǎ bā trombita

吉他 jí tā gitár

长笛

长号

长笛 cháng dí furulya

长号 cháng hào harsona

钹

鼓

钹 bó cintányér

鼓 gǔ dob

定音鼓

中提琴

定音鼓 dīng yīn gǔ üstdob

中提琴 zhōng tí qín brácsa



风笛

笛

风笛 fēng dí dūda

笛 dí fúvòla

巴松管

号角

巴松管 bā sōng guǎn fagott

号角 hào jiǎo kǔrt

凤琴

双簧管

风琴 fēng qín orgona

双簧管 shuāng huáng guǎn oboa

大 号

大号 dà hào tuba